

# ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ VÀ TRỮ LƯỢNG NGAO DẦU (*Meretrix meretrix*) Ở VÙNG ĐẦM PHÁ TAM GIANG - CẦU HAI (THỪA THIÊN HUẾ)

LÊ CÔNG TUẤN, NGUYỄN QUANG LINH

Khoa Thuỷ sản, Trường đại học Nông Lâm Huế

## 1. GIỚI THIỆU

**N**gao dầu - tên địa phương gọi là trìa mỡ - (*Meretrix meretrix*) là loại nhuyễn thể 2 mảnh vỏ giàu chất dinh dưỡng, hương vị thơm ngon và được nhiều người ưa thích. Trong những năm gần đây, do nhu cầu tiêu thụ tăng cao nên người dân vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai đã gia tăng áp lực khai thác loài này cả về số lượng và các loại kích cỡ khác nhau, dẫn đến nguy cơ cạn kiệt nguồn lợi ngao dầu ở vùng này. Trước hiện trạng đó, từ năm 1998 đến 2002, chúng tôi đã tiến hành điều tra khảo sát về đặc điểm phân bố và trữ lượng ngao dầu ở vùng đầm phá Thừa Thiên Huế, nhằm mục đích xây dựng cơ sở dữ liệu về

nguồn lợi của chúng và cung cấp thông tin cho các cơ quan có chức năng trong định hướng khai thác, nuôi trồng, bảo tồn và phát triển nguồn lợi này.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

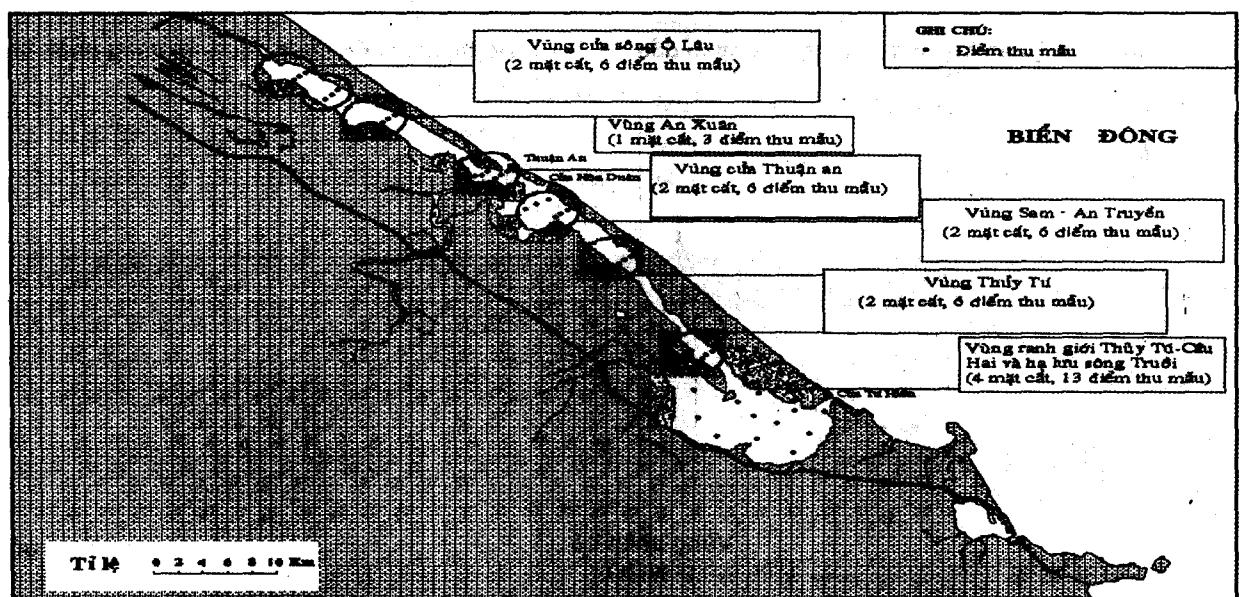
**2.1 Đối tượng:** Ngao dầu - còn gọi là trìa mỡ (*Meretrix meretrix* Linnaeus, 1758), thuộc họ Veneridae, bộ phụ Heterodonta, bộ Eulamellibranchia.

### 2.2 Phương pháp nghiên cứu:

- Xác định vùng phân bố và trữ lượng

Điều tra, phỏng vấn những người dân tham gia khai thác ngao dầu để xác định sơ bộ vùng phân bố

BẢN ĐỒ CÁC VÙNG KHẢO SÁT VÀ THU MẪU Ở PHÁ TAM GIANG - CẦU HAI



và trữ lượng của chúng (PRA).

Nghiên cứu thực địa: Dọc theo phá Tam Giang - Cầu Hai, chúng tôi thu mẫu theo 11 mặt cắt ngang được ký hiệu từ M1 (cửa sông Ô Lâu) đến M11 (gần cửa biển Tư Hiền).

Tại mỗi mặt cắt có 3 điểm thu mẫu được đánh số từ 1 đến 3 theo hướng từ đông sang tây. Đào và thu hết mẫu trong khung định lượng  $1m^2$  kết hợp với dùng gầu Petersen ( $0,025m^2$ ) để thu mẫu các vùng sâu không thể lặn đến đáy được.

Mật độ được tính bằng số cá thể trung bình trên  $10m^2$ .

Tính diện tích phân bố bằng phương pháp bản đồ tỷ lệ 1:50.000 đối chiếu với vùng phân bố, từ đó tính trữ lượng tức thời trên các vùng phân bố.

Sản lượng khai thác và nguồn lợi được ước tính tức thời từ người khai thác và nơi thu gom mua.

- Khảo sát các yếu tố môi trường: nhiệt độ, ôxy hòa tan, pH, độ mặn bằng máy đo 6 yếu tố môi trường (TOA).

Thu mẫu nước ở tầng đáy bằng Batomet. Xác định mẫu trầm tích đáy dựa trên phương pháp so sánh tỷ lệ các loại cấu tạo nên trầm tích.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

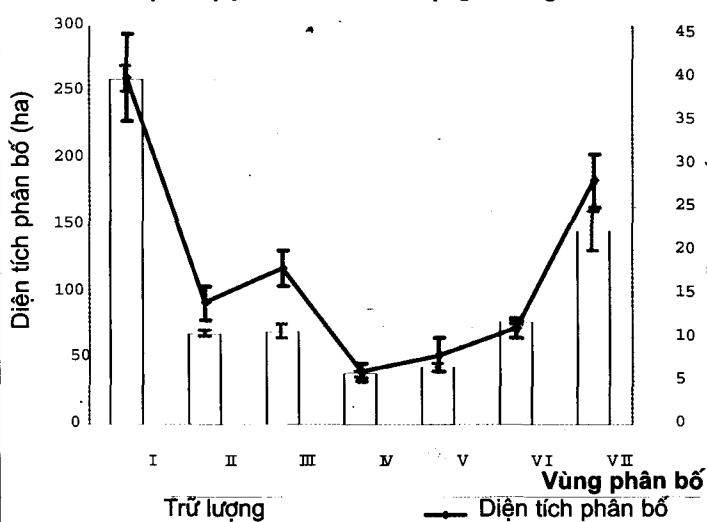
#### 3.1 Phân bố và trữ lượng

Diện tích phân bố, mật độ và trữ lượng ngao dầu ước tính ở phá Tam Giang - Cầu Hai tại 7 vùng chủ yếu được thể hiện ở bảng 1 và đồ thị 1,2. Mật độ và

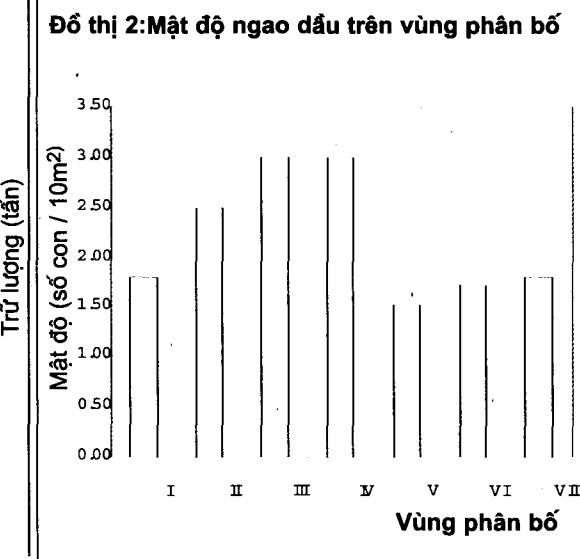
Bảng 1. Diện tích phân bố và trữ lượng ngao dầu vùng phá Tam Giang - Cầu Hai

Vùng phân bố	Diện tích phân bố (ha)	Trữ lượng (tấn)
I	250	280
II	70	80
III	80	110
IV	30	40
V	40	50
VI	70	80
VII	140	170

Đồ thị 1: Sự phân bố và trữ lượng của ngao dầu



Đồ thị 2: Mật độ ngao dầu trên vùng phân bố



trữ lượng của ngao dầu ở các vùng từ An Xuân đến đầm Sam khá cao, từ 18 - 30 con/10m<sup>2</sup> và có xu hướng tăng dần trong khi đó các vùng từ Mũi Hòn đến cửa biển Tư Hiền có mật độ thấp hơn, từ 15 - 18 con/m<sup>2</sup> và cũng có xu hướng tăng dần đến vùng có độ mặn cao hơn. Các vùng khác có mật độ ngao dầu cao cũng là vùng có độ mặn cao và ổn định như cửa biển Thuận An và cửa Tư Hiền. Điều này cho thấy sự ổn định cao của yếu tố độ mặn có tính quyết định đến mật độ, phân bố của ngao dầu ở vùng đầm phá. Khi điều kiện môi trường thay đổi, đặc biệt là độ mặn đã làm ảnh hưởng đến sự thích ứng và sinh trưởng của chúng. Ngao dầu thường thích ứng ở vùng có độ mặn từ >7,9 đến 33 %, kết quả này cũng phù hợp với một số kết quả nghiên cứu của các tác giả trước đây (Chin, T.S và Chen, H.C., 1993).

### 3.2 Đặc điểm phân bố của ngao dầu ở vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai

Trong thời gian nghiên cứu chúng tôi nhận thấy sự phân bố của ngao dầu ở vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai có sự sai khác rõ rệt trong 2 mùa khô và mùa mưa (bảng 2).

Ngao dầu phân bố ở vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai ở độ sâu lớn hơn 1m nước, tập tính sống vùi mình trong nền đáy 3-4cm, nơi nguồn nước luôn có sự trao đổi. Sự phân bố của ngao dầu trong vùng đầm phá chịu sự chi phối rất lớn của các yếu tố môi trường như dòng chảy, chất đáy, độ mặn, độ sâu.. trong đó độ mặn đóng vai trò quyết định. Sự ngọt hóa vùng đầm phá trong mùa mưa (tháng 9, 10 đến tháng 12) đã kéo theo sự thu hẹp vùng phân bố của ngao dầu (4/7 vùng

phân bố chủ yếu) và giảm mật độ của chúng.

### 4. KẾT LUẬN

- Mật độ và sự phân bố của ngao dầu ở đầm phá Tam Giang - Cầu Hai khác nhau theo 7 vùng chủ yếu, trữ lượng ước tính từ 112 - 140 tấn. Ngao dầu có mặt hầu hết ở các vùng vào mùa khô, trong khi vào mùa mưa chúng chỉ xuất hiện ở các vùng II, III, IV và VII.

- Các yếu tố môi trường của các vùng phân bố có ảnh hưởng đến mật độ và số lượng ngao dầu ở vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai. Ngao dầu sống thích hợp với các vùng có trầm tích đáy cát, cát bùn, bùn cát ■

### 5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chin T.S., và Chen H.C., 1993. Bioaccumulation and distribution of mercury in the hard clam, *Meretrix lusoria* (Bivalvia: Veneridae). Comp. Biochem. Physiol. C. Sep;106 (1).

2. Nguyễn Chính, 1996. Một số loài động vật nhuyễn thể (Mollusca) có giá trị kinh tế ở biển Việt Nam. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

3. Nguyễn Văn Chung, Đào Tấn Hổ, Lê Trọng Minh, Tôn Thất Thống, Trần Đình Nam, Võ Văn Đạt, 1981. Thành phần chất đáy các đầm phá Bình Trị Thiên. Thông tin Khoa học, Trường đại học Tổng hợp Huế 9/1981.

4. Marine resources management for sea farming and ranching, FAO report, 1985. [http://www.fao.org/documents/show\\_cdr.asp](http://www.fao.org/documents/show_cdr.asp).

5. Lê Công Tuấn, Nguyễn Quang Linh, Nguyễn Mộng, 2003. Kết quả nghiên cứu động vật nổi ở vùng đầm phá Tam Giang- Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạp chí Sinh học, 9/2003.

Bảng 2. Đặc điểm phân bố của ngao dầu liên quan với các yếu tố môi trường

Địa điểm	Độ sâu	Độ mặn	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm
Đầm Sam	0-1m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	0-1m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	0-1m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	0-1m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	0-1m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	0-1m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	0-1m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	0-1m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	1-2m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	1-2m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	1-2m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	1-2m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	1-2m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	1-2m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	1-2m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	2-3m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	2-3m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	2-3m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	2-3m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	2-3m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	2-3m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	2-3m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	3-4m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	3-4m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	3-4m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	3-4m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	3-4m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	3-4m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	3-4m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	4-5m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	4-5m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	4-5m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	4-5m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	4-5m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	4-5m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	4-5m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	5-6m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	5-6m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	5-6m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	5-6m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	5-6m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	5-6m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	5-6m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	6-7m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	6-7m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	6-7m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	6-7m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	6-7m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	6-7m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	6-7m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	7-8m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	7-8m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	7-8m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	7-8m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	7-8m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	7-8m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	7-8m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	8-9m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	8-9m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	8-9m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	8-9m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	8-9m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	8-9m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	8-9m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	9-10m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	9-10m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	9-10m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	9-10m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	9-10m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	9-10m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	9-10m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	10-11m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	10-11m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	10-11m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	10-11m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	10-11m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	10-11m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	10-11m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	11-12m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	11-12m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	11-12m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	11-12m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	11-12m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	11-12m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	11-12m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	12-13m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	12-13m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	12-13m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	12-13m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	12-13m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	12-13m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	12-13m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	13-14m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	13-14m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	13-14m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	13-14m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	13-14m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	13-14m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	13-14m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	14-15m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	14-15m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	14-15m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	14-15m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	14-15m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	14-15m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	14-15m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	15-16m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	15-16m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	15-16m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	15-16m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	15-16m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	15-16m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	15-16m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	16-17m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	16-17m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	16-17m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	16-17m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	16-17m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	16-17m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	16-17m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	17-18m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	17-18m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	17-18m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	17-18m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	17-18m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	17-18m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	17-18m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	18-19m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	18-19m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	18-19m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	18-19m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	18-19m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	18-19m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	18-19m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	19-20m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	19-20m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	19-20m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	19-20m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	19-20m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	19-20m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	19-20m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	20-21m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	20-21m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	20-21m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	20-21m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	20-21m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	20-21m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	20-21m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	21-22m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	21-22m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	21-22m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	21-22m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Tư Hiền	21-22m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Thuận An	21-22m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cầu Hai	21-22m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Nhỏ	22-23m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Đầm Lớn	22-23m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Mũi Hòn	22-23m	18-30‰	✓	✓	✓	✓	✓
Cửa biển	22-23m	18-30‰	✓	✓	✓	✓</	